TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – HUẾ** **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **242**/2025/QĐST-HNGĐ	*Huế, ngày 27 tháng 10 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 244/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. **Anh Trần Văn Á**, sinh năm 1993; căn cước công dân số: 046093005226, cấp ngày 26/2/2022, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ: Tổ dân phố L, phường D, thành phố Huế.

2. **Chị Trần Thị H**, sinh năm 1997; căn cước công dân số: 046197001917, cấp ngày 15/8/2022, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ: Tổ dân phố L, phường D, thành phố Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn Á và chị Trần Thị H đăng ký kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, nay là Ủy ban nhân dân phường D, thành phố Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/12/2019 nên quan hệ hôn nhân của anh Á và chị H là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh Á và chị H chung sống hạnh phúc với nhau được hơn 03 năm, đến năm 2023 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa vợ chồng hay bất đồng quan điểm sống, không thấu hiểu nhau, mất niềm tin lẫn nhau làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Anh Á và chị H đã sống ly thân với nhau từ tháng 09 năm 2025 cho đến nay. Nay mâu thuẫn giữa anh Á và chị H đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã hết nên anh chị yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Á và chị H không thể hàn gắn, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn

nhân và gia đình để công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Trần Văn Á và chị Trần Thị H.

[2] Về con chung: Anh Trần Văn Á và chị Trần Thị H có 01 con chung là Trần Thị Ánh D, sinh ngày 29/5/2020.

Anh Á và chị H thỏa thuận giao con Trần Thị Ánh D cho anh Á trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi; chị H không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, thỏa thuận của anh Á và chị H là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Anh Á và chị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Á và chị H xác nhận không có.

[5] Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Á và chị H thỏa thuận mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25E số 0000410 ngày 06/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh Á và chị H đã nộp đủ.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 10 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyên ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn Á và chị Trần Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là Trần Thị Ánh D, sinh ngày 29/5/2020 cho anh Á trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi; chị H không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Á và chị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Á và chị H xác nhận không có.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Á và chị H thỏa thuận mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25E số 0000410 ngày 06/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh Á và chị H đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm

2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 1 – Huế;
- TAND thành phố Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- UBND phường D
(ĐKKH số 90 ngày 16/12/2019 tại UBND xã P cũ);
- Lưu dán;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Hoàng Quang Bình